

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 97/2021/HSST

Ngày 16 - 6 - 2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Ngô Sỹ Tiến.

*Hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Huy Lợi và ông Trần Ngọc Đăng,

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đặng Thị Phương - Chức vụ Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An,

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa:** bà Nguyễn Thị Mão - Chức vụ Kiểm sát viên.

Vào ngày 16 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An, Toà án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hình sự thụ lý số: 65/2021/HSST, ngày 29 tháng 4 năm 2021, đối với bị cáo:

Họ và tên: Lương Thị T (*tên gọi khác: không*); Sinh ngày 29/7/1981; Nơi cư trú: bản Q, xã TĐ, huyện T, tỉnh Nghệ An; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Thái; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông: Lương Thanh D (đã chết) Con bà Ngân Thị T (đã chết); Anh chị em ruột có 05 người, bị cáo con thứ 03; Chung sống như vợ chồng với anh Vi Văn Đ, sinh năm 1976; có 02 con (Con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2014);

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/12/2020 cho đến nay, hiện đang bị tạm giam tại trại giam Công an tỉnh Nghệ An, (*Bị cáo có mặt*)

**- Người bào chữa cho bị cáo:**

Ông Nguyễn Văn H, Luật sư thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Nghệ An.

Địa chỉ: Số 56, đường Nguyễn Thị Minh Khai, phường Hưng Bình, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, (*Có mặt*)

**- Bị hại:**

Chị Vi Thị May H – sinh năm 1996,

Nơi cư trú: Bản A, xã X, huyện TD, tỉnh Nghệ An, (*Vắng mặt*)

**- Người có Quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

Chị Kha Thị P – sinh năm 1994,

Nơi cư trú: Bản QY, xã T, huyện TD, tỉnh Nghệ An, (*Vắng mặt*)

- *Người làm chứng:*

1. Chị Vi Thị Th – sinh năm 1975,

Nơi cư trú: Bản A, xã X, huyện TD, tỉnh Nghệ An, (*Vắng mặt*)

2. Chị Lô Thị L – sinh năm 1970,

Nơi cư trú: Bản A, xã X, huyện TD, tỉnh Nghệ An. (*Vắng mặt*)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do không có việc làm ổn định nên chị Vi Thị May H, sinh năm 1996, trú tại bản A, xã X, huyện TD, tỉnh Nghệ An muốn đi làm ăn xa để kiếm tiền. Khoảng tháng 10/2016, chị H đến nhà Quang Thị C (tên thường gọi là N) sinh năm 1995, trú cùng bản chơi. Tại đây, chị C rủ H đi làm việc ở Trung Quốc nhưng chị H chưa đồng ý. Sau đó, qua trao đổi, chị C giới thiệu là có người quen đưa đi thì chị H đồng ý. Khi chị H đồng ý, chị C liên lạc với Xen Thị H (tên thường gọi là H1) sinh năm 1985, trú tại bản Khe Chi, xã TG, nay là thị trấn TG, huyện TD, Nghệ An thời điểm đó đang sinh sống tại Trung Quốc trao đổi thống nhất về việc chị C và chị H sẽ đi theo H sang Trung Quốc để làm việc.

Sau khi trao đổi với chị C, H điện thoại liên lạc với Lương Thị T, sinh năm 1981, cùng đang sinh sống tại Trung Quốc trao đổi với T về việc đưa 2 người phụ nữ Việt Nam sang Trung Quốc để giao cho T bán đi lấy chồng người Trung Quốc nhằm hưởng lợi. H đảm bảo 2 người này sẽ không trốn nên T đồng ý. H yêu cầu phải nhận được 30.000 NDT nếu bán thành công H và C, T đồng ý.

Thỏa thuận với T xong, H điện thoại hướng dẫn cho chị C bắt xe khách Ka Long đi từ thị trấn HB (nay là thị trấn TG), huyện TD, Nghệ An để đến Móng Cái, Quảng Ninh sẽ có người đón. Chị H và chị C bắt xe khách đến Móng Cái thì gặp H cùng một người đàn ông tên Tuấn (trú tại thành phố Hải Phòng) và được bố trí ngủ lại Móng Cái một đêm. Ngày hôm sau, H và Tuấn sắp xếp thuyền đưa 2 người vượt biên sang Trung Quốc bằng đường sông rồi đến nhà một người phụ nữ tên H2 người Việt Nam (nói tiếng Miền Nam) sống tại tỉnh Quảng Xi, Trung Quốc. Tại đây, chị H và chị C được H cho biết sự thật là H và C sẽ phải đi lấy chồng người Trung Quốc thì mới có tiền gửi về nhà, nếu không lấy chồng thì hai người sẽ phải bồi thường gấp đôi chi phí đi lại mà H đã bỏ ra. Do đang ở trên đất Trung Quốc, không biết đường đi, tiếng nói nên chị H và chị C phải đồng ý và được bố trí ở lại nhà người phụ nữ tên H2 khoảng 2 ngày. Sau

đó, người phụ nữ tên H2 bắt xe khách cho H và C đến tỉnh Hồ Bắc, Trung Quốc. Chị H và chị C đến bến xe tỉnh Hồ Bắc thì Tráo Tung K (là chồng của T ở Trung Quốc) ra đón về nhà K và T. Khi H và C đến nhà T, T đã bàn bạc với K tìm người bán chị H và chị C. Khoảng 1 tuần sau có một người đàn ông Trung Quốc đến xem mặt và chọn mua chị H về làm vợ với giá 60.000 NDT. Khi mua bán, 2 bên lập hợp đồng mua bán kèm theo các điều khoản. Chị H về làm vợ người đàn ông Trung Quốc đó được 3 ngày thì bị nhà chồng trả do sử dụng thuốc tránh thai. T và K phải bồi thường cho người đàn ông Trung Quốc đó số tiền 64.000 NDT do vi phạm hợp đồng. Khoảng 1 tuần sau, T bán chị C cho 1 người đàn ông Trung Quốc về làm vợ với giá 65.000 NDT. Khi bán có lập hợp đồng mua bán kèm theo các điều khoản. Tuy nhiên, khoảng 1 tháng sau, chị C bỏ trốn khỏi nhà chồng cho nên T và K phải bồi thường số tiền 64.000 NDT.

Khoảng tháng 12/2016, T và K bán chị H cho người đàn ông Trung Quốc tên là Giá Vây (là em họ của K) với giá 45.000 NDT. Số tiền đó, Giá Vây giữ lại 20.000 NDT để chị H tự gửi về Việt Nam cho gia đình, T đưa cho H 15.000 NDT, T và K được hưởng 10.000 NDT. Sau đó, chị H thông qua T liên lạc được với gia đình chị H tại Việt Nam thông báo việc mình đã đi lấy chồng ở Trung Quốc. Đến năm 2018, Giá Vây trả cho chị H số tiền 20.000 NDT để chị H gửi về cho gia đình. Thông qua Lương Thị T, chị H đã gửi tiền về cho chị Kha Thị P, sinh năm 1994, trú tại bản: QY, xã TĐ, huyện TD, tỉnh Nghệ An. Chị P đã nhận 20.000 NDT rồi đổi được 60.000.000 đồng và giao cho gia đình chị H.

Đầu năm 2019, chị Vi Thị May H bỏ trốn về Việt Nam sinh sống, ngày 09/12/2020, chị H làm đơn tố cáo Lương Thị T. Ngày 11/12/2020, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện TD đã ra Lệnh bắt bị can để tạm giam đối với Lương Thị T.

Tại cơ quan điều tra, Lương Thị T đã khai nhận đầy đủ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Về vật chứng: Chiếc điện thoại của bị cáo Lương Thị T đã bị mất nên không thu giữ được.

Về dân sự: Chị Vi Thị May H đã nhận tiền bồi thường từ bị cáo không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên không phải xem xét.

Tại bản Cáo trạng số: 96/CT-VKS-P2, ngày 28/4/2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An đã truy tố bị cáo Lương Thị T về “Tội mua bán người” theo quy định tại điểm đ, g khoản 2 Điều 119 của Bộ luật Hình sự năm 1999, (Sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo và đề nghị hội đồng xét xử áp dụng điểm đ, g khoản 2 Điều 119; điểm b, p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); xử phạt Lương Thị T từ 6 năm đến 6 năm, 6 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam bị cáo, ngày 11/12/2020.

- Hình phạt bổ sung, bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, vì vậy không áp dụng hình bổ sung là phạt tiền với bị cáo.

- Về biện pháp tư pháp: Số tiền 10.000 NDT mà bị cáo và Tráo Tung K thu được khi bán chỉ H cho Giá Vây, nhưng bị cáo và Tráo Tung K đã phải bồi thường cho người mua đầu tiên 4.000 NDT, còn lại 6.000 NDT, do số tiền này Tráo Trung K chiếm giữ, vì vậy không thu hồi được.

Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí tòa án.

Người bào chữa cho bị cáo ông Nguyễn Văn H trình bày: Về tội danh và các tình tiết định khung hình phạt với bị cáo như Cáo trạng đã kết luận là hoàn toàn chính xác, người bào chữa không có tranh luận. Tuy nhiên người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến động cơ, mục đích phạm tội của bị cáo; vai trò của bị cáo trong vụ án là thứ yếu, chính Xen Thị H mới là người chủ mưu; Mặt khác, người bị hại cũng có một phần lỗi khi đồng ý đi sang Trung Quốc để kiếm việc làm. Nhân thân bị cáo tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ; Bị cáo sinh ra và lớn lên ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn, nhận thức có phần hạn chế, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, cho bị cáo được hưởng mức khởi điểm của khung hình phạt với mức 5 năm tù.

Bị cáo đồng ý với ý kiến người bào chữa, không có bổ sung gì thêm.

Trong phần tranh luận Kiểm sát viên không đồng ý với ý kiến của người bào chữa cho rằng bị hại cũng có một phần lỗi. Kiểm sát viên khẳng định chỉ Vi Thị May H hoàn toàn không có lỗi, bởi khi sang đến Trung quốc, người bị hại mới biết là mình bị lừa để đem đi bán. Bị hại hoàn toàn bị ép buộc do bất đồng ngôn ngữ và không kháng cự được do bị đe dọa phải bồi thường gấp đôi số tiền chi phí, vì vậy không thể áp dụng tình tiết bị hại có lỗi để giảm nhẹ hình phạt với bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Điều tra viên, Kiểm sát viên, người bào chữa cho bị cáo đã tiến hành tố tụng như ra các văn bản tố tụng, quyết định tố tụng; lấy lời khai, hỏi cung bị can; thu thập tài liệu chứng cứ theo đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền mà Bộ luật tố tụng hình sự quy định. Quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa không có khiếu nại, kiến nghị về hành vi, quyết định tố tụng của của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều được thực hiện hợp pháp.

[2] Căn cứ buộc tội: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa công khai, bị cáo Lương Thị T hoàn toàn khai nhận hành vi phạm tội của mình. Trên cơ sở kết quả điều tra như lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, tài liệu, chứng cứ khác, xét thấy đã có đủ căn cứ kết luận Lương Thị T đã phạm “Tội mua bán người” như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An truy tố. Hành vi phạm tội của Lương Thị T thể hiện, Xen Thị H (thường gọi là H1) trao đổi điện thoại thống nhất với Lương Thị T sẽ đưa hai phụ nữ người Việt sang Trung Quốc giao cho T bán làm vợ người Trung Quốc với giá bán thành công, H phải nhận được 30.000 NDT. Sau đó H hướng dẫn cho chị Quang Thị C và chị Vi Thị May H từ Việt Nam sang Trung Quốc gặp T. Trong tháng 10/2016, bị cáo Lương Thị T cùng với người đàn ông tên Tráo Tung K (Bị cáo khai là chồng người Trung Quốc) đã thực hiện hành vi bán chị H và chị C cho hai người đàn ông Trung Quốc để làm vợ với giá 60.000 và 65.000 NDT. Do chị H dùng thuốc tránh thai nên người đàn ông Trung Quốc trả lại chị H cho T. Còn chị C bỏ trốn khỏi nhà người đàn ông đã mua chị sau khi bị bán một tháng. Bị cáo đã phải bồi thường tiền cho những người mua. Sau đó Lương Thị T và chồng là K lại tiếp tục bán chị H cho một người đàn ông Trung Quốc tên là Giá Vây với giá 45.000 NDT. Do cơ quan điều tra không xác định được chị Quang Thị C hiện nay đang ở đâu, cho nên cơ quan điều tra tách hành vi mua bán người của bị cáo với chị C để tiếp tục điều tra xử lý. Vì vậy cáo trạng chỉ truy tố bị cáo Lương Thị T về tội mua bán chị Vi Thị May H. Xét bị cáo Lương Thị T cùng với Xen Thị H đã mua bán người để đưa ra nước ngoài. Bị cáo đã hai lần thực hiện hành vi mua bán chị H, như vậy bị cáo phạm tội nhiều lần. Hành vi mua bán người lần cuối cùng của bị cáo thực hiện vào tháng 12 năm 2016, do vậy, phải căn cứ vào các quy định của Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009 để truy tố và xét xử với bị cáo. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An đã truy tố bị cáo Lương Thị T về “Tội mua bán người” theo điểm đ, g khoản 2 Điều 119 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (Sửa đổi, bổ sung năm 2009) là hoàn toàn chính xác.

[3] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến nhân phẩm, danh dự của con người, đặc biệt là phụ nữ. Hành vi mua bán người bị pháp luật nghiêm cấm, chỉ vì háms lợi bị cáo đã thực hiện nhiều lần hành vi phạm tội. Trong vụ án này, bị hại hoàn toàn không có lỗi, việc bị hại bị bán làm vợ người nước ngoài là hoàn toàn bị cưỡng bức, không thể kháng cự được, chính vì vậy hành vi của bị cáo cần phải được xét xử nghiêm, phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội để có tác dụng giáo dục riêng, phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ:

Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai khai báo, ăn năn hối cải với hành vi phạm tội của mình. Bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho người bị hại, người bị hại có đơn đề nghị giảm nhẹ trách nhiệm hình sự với bị cáo. Bị cáo ông LTD là người có công được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Kháng chiến. Như vậy, bị cáo có 2 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, p khoản 1 và 2 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (Sửa đổi, bổ sung năm 2009) chính vì vậy cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Tuy nhiên, với hai tình tiết định khung hình phạt quy định ở khoản 2 Điều 119 của Bộ luật Hình sự, mặc dù bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nhưng không thể cho bị cáo hưởng mức hình phạt ở khởi điểm của khung hình phạt (5 năm tù) như đề nghị của Người bào chữa cho bị cáo.

[5] Hình phạt bổ sung: Xét bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, vì vậy không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền với bị cáo.

[6] Đối với những người liên quan.

- Đối với Xen Thị H (tên thường gọi là H1), sinh năm 1985, nơi cư trú Bản K, xã TG (nay là thị trấn TG), người phụ nữ tên H3 (Nói giọng Miền Nam), người đàn ông tên Tuấn (ở Hải Phòng) là những người đã giúp sức đưa chị H, chị C sang Trung Quốc bán. Tuy nhiên hiện Xen Thị H đã chết tháng 02/2020; còn lại người phụ nữ tên H3 và người đàn ông tên Tuấn hiện cơ quan điều tra chưa xác định được lai lịch, vì vậy chưa có cơ sở xử lý trong vụ án này, hiện cơ quan điều tra đang tiếp tục điều tra xác minh làm rõ.

- Đối với Kha Thị P là người đã chuyển số tiền 20.000 NDT cho gia đình chị H, nhưng chị P không biết được số tiền này thu được từ việc mua bán người cho nên chị P không liên quan đến hành vi phạm tội và không phải chịu trách nhiệm Hình sự.

- Đối với người đàn ông tên Tráo Tung K, Lương Thị T khai là chồng ở Trung Quốc đã cùng bị cáo thực hiện hành vi phạm tội, tuy nhiên cơ quan điều tra chưa có điều kiện để điều tra do liên quan đến người ở nước ngoài.

- Đối với hành vi Lương Thị T cùng với Tráo Tung K bán chị Quang Thị C cho người đàn ông Trung Quốc với giá 65.000 NDT, do chị C đang ở Trung Quốc cho nên cơ quan điều tra chưa có cơ sở kết luận, đã tách hành vi này để tiếp tục điều tra để xử lý.

[7] Trách nhiệm dân sự: Bị cáo Lương Thị T đã bồi thường thiệt hại cho chị Vi Thị May H, bị hại không có yêu cầu gì thêm về dân sự và có đơn đề nghị xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[8] Biện pháp Tư pháp: Hai lần bán chị Vi Thị May H, xác định Tráo Tung Khai và Lương Thị T thu được 6.000 NDT, khi thu được tiền Tráo Tung K là người chiếm giữ, hiện nay Tráo Tung K đang ở nước ngoài nên không thể truy thu khoản tiền thu lợi bất chính để sung quỹ nhà nước.

[9] Án phí: Bị cáo Lương Thị T phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Tuyên bố: Bị cáo Lương Thị T phạm: “Tội mua bán người”

Căn cứ vào điểm đ, g khoản 2 Điều 119; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (Sửa đổi, bổ sung năm 2009);

1. Xử phạt Lương Thị T 6 (Sáu) năm 6 (Sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam bị cáo, ngày 11/12/2020.

2. Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Lương Thị T phải nộp 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng án phí Hình sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt, có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./.

**Nơi nhận**

- VKSND Cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Cơ quan CSĐT Công an T. Nghệ An;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
- Trại tạm giam Công an T. Nghệ An;
- Bị hại, người có QL&NV liên quan;
- Người bào chữa cho bị cáo;
- Lưu VP, Tòa HS, HSVA,

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

*(Đã ký)*

**Ngô Sỹ Tiến**